

PHỤ LỤC 6:
BẢNG ĐIỀU TRA MỨC ĐỘ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
CÁC KHU ĐÔ THỊ MỚI TẠI TP.HCM
(Dành cho người dân sinh sống tại các khu đô thị mới)

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở CÁC KHU ĐÔ THỊ MỚI
TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Địa điểm phỏng vấn:

.....

Thời gian:.....giờ.....phút, ngày tháng.....năm 2011

Phiếu hỏi này nhằm đánh giá chất lượng cuộc sống của người dân và mức độ phát triển bền vững tại các khu đô thị mới ở Tp.HCM về chất lượng môi trường, hoạt động kinh tế, an sinh xã hội, tiếp cận thuận lợi các dịch vụ đô thị,.... Kết quả phỏng vấn sẽ được sử dụng cho mục tiêu nghiên cứu luận án, từ đó đề xuất các định hướng và giải pháp nhằm góp phần nâng cao chất lượng môi trường sống và đề xuất mô hình quản lý của nhà nước trong quá trình qui hoạch và xây dựng các khu đô thị, bảo đảm sự phát triển bền vững.

Quý Ông (Bà) vui lòng đánh dấu “ ✓ ” vào một ô trống có ý kiến mà Ông (Bà) lựa chọn hoặc điền câu trả lời vào chỗ trống (...).

Trân trọng cảm ơn Quý Ông (Bà) đã nhiệt tình tham gia trả lời và điền vào phiếu điều tra này!

PHẦN I: ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN Ở CÁC KHU ĐÔ THỊ

I. MÔI TRƯỜNG

Chất lượng không khí

Xin Ông (Bà) cho biết chất lượng không khí tại khu vực Ông (Bà) đang sinh sống:

☐ Tốt ☐ Rất tốt ☐ Chấp nhận được ☐ Kém ☐ Rất kém

Mức độ mùi trong không khí tại nơi Ông (Bà) sinh sống (mùi xăng xe, mùi đốt rác, mùi sơn, mùi khói bếp than...):

☐ Rất ít ☐ Ít ☐ Chấp nhận được ☐ Nhiều ☐ Rất nhiều

Mức độ khói xăng trong không khí:

☐ Rất ít ☐ Ít ☐ Chấp nhận được ☐ Nhiều ☐ Rất nhiều

Mức độ khói than trong không khí:

☐ Rất ít ☐ Ít ☐ Nhiều ☐ Rất nhiều

Mức độ mùi rác thải trong không khí:

☐ Rất ít ☐ Ít ☐ Chấp nhận được ☐ Nhiều ☐ Rất nhiều

Nồng độ bụi trong không khí:

☐ Rất ít ☐ Ít ☐ Chấp nhận được ☐ Nhiều ☐ Rất nhiều

Mức tiếng ồn

Mức độ tiếng ồn tại nơi Ông (Bà) đang sinh sống:

☐ Rất thấp ☐ Thấp ☐ Chấp nhận được ☐ Cao ☐ Rất cao

Rác thải

Lượng rác thải tại nơi Ông (Bà) đang sinh sống:

☐ Rất thấp ☐ Thấp ☐ Vừa phải ☐ Cao ☐ Rất cao

Tần suất thu gom rác:

☐ Rất cao ☐ Cao ☐ Vừa phải ☐ Thấp ☐ Rất thấp

Số thùng chứa rác tại khu công cộng:

☐ Rất nhiều ☐ Nhiều ☐ Vừa phải ☐ Ít ☐ Rất ít

Các thùng rác công cộng được bố trí:

☐ Hợp lý ☐ Không hợp lý

Nơi Ông(Bà) đang sinh sống, có thực hiện phân loại rác thải (vô cơ, hữu cơ) tại nguồn không?

☐ Có ☐ Không

Mức độ xử lý, tái chế rác thải:

- ☐ Toàn bộ ☐ Nhiều ☐ Một nửa ☐ Ít ☐ Không có

Lượng rác thải tại khu vực so với khu vực lân cận:

- ☐ Ít hơn nhiều ☐ Ít hơn ☐ Ngang nhau ☐ Nhiều hơn ☐ Nhiều hơn nhiều

Về cấp thoát nước

Xin Ông (Bà) cho biết, tiền nước/tháng của gia đình vào khoảng:
.....(đồng)

Chất lượng nước tại nơi Ông (Bà) sinh sống:

- ☐ Rất sạch ☐ Sạch ☐ Chấp nhận được ☐ Bẩn ☐ Rất bẩn

Tần suất mất nước tại khu vực / năm:

- ☐ Rất ít ☐ Ít ☐ Chấp nhận được ☐ Nhiều ☐ Rất nhiều

Hệ thống thoát nước trong khu vực :

- ☐ Rất tốt ☐ Tốt ☐ Chấp nhận được ☐ Kém ☐ Rất kém

Tần suất ngập úng trong khu vực:

- ☐ Không bao giờ ☐ thỉnh thoảng ☐ Bình thường ☐ Thường xuyên

Sau mỗi cơn mưa lớn, mức độ thoát nước trong khu vực:

- ☐ Rất nhanh ☐ Nhanh ☐ Chấp nhận được ☐ Chậm ☐ Rất chậm

Khu vực Ông (Bà) đang sinh sống có hệ thống xử lý nước thải không?

- ☐ Có ☐ Không

Nếu câu trả lời là có, chất lượng của hệ thống xử lý nước thải:

- ☐ Rất tốt ☐ Tốt ☐ Chấp nhận được ☐ Kém ☐ Rất kém

Về giao thông

Hệ thống đường đi trong khu đô thị thuận lợi cho:

- a. Ô tô ☐ Có ☐ Không
b. Xe máy ☐ Có ☐ Không
c. Xe đạp ☐ Có ☐ Không
d. Khác (xe lăn...) ☐ Có ☐ Không

Chiều rộng của lòng đường trong khu vực:

- ☐ Rất rộng ☐ Rộng ☐ Vừa phải ☐ Hẹp ☐ Rất hẹp

Khu vực nơi Ông (Bà) sống có xe buýt chạy qua không?

- ☐ Có (chuyển đến 5.3.a) ☐ Không (chuyển đến câu 5.4)

Nếu câu trả lời là có, xin Ông (Bà) trả lời các câu tiếp theo:

5.3.a. Hệ thống điểm chờ xe buýt được bố trí:

- ☐ Rất tiện lợi ☐ Tiện lợi ☐ Không tiện lợi

5.3.b. Số tuyến xe buýt chạy qua khu vực:

- ☐ Rất nhiều ☐ Nhiều ☐ Vừa phải ☐ Ít ☐ Rất ít

5.3.c. Thời gian đợi xe buýt:

- ☐ Rất nhanh ☐ Nhanh ☐ Chấp nhận được ☐ Lâu ☐ Rất lâu

5.3.d. Chất lượng dịch vụ xe buýt tại khu vực:

- ☐ Rất tốt ☐ Tốt ☐ Chấp nhận được ☐ Kém ☐ Rất kém

Khoảng cách từ khu vực tới các bến tàu xe:

- ☐ Rất gần ☐ Gần ☐ Vừa phải ☐ Xa ☐ Rất xa

Tần suất Ông (Bà) sử dụng phương tiện giao thông công cộng:

- ☐ Thường xuyên ☐ Vừa phải ☐ Thỉnh thoảng ☐ Không bao giờ

Gia đình Ông (Bà) cóthành viên sử dụng phương tiện giao thông công cộng để đi làm, đi học.

Tần suất các thành viên trong gia đình Ông (Bà) sử dụng phương tiện giao thông công cộng:

- ☐ Thường xuyên ☐ Vừa phải ☐ Thỉnh thoảng ☐ Không bao giờ

Mức độ tắc nghẽn vào giờ cao điểm

- ☐ Thường xuyên ☐ Vừa phải ☐ Thỉnh thoảng ☐ Không bao giờ

Mức độ che phủ và diện tích m² đất/người

Xin Ông (Bà) cho biết mức độ che phủ đất đô thị tại khu vực:

- ☐ Đã lấp đầy ☐ Chưa lấp đầy

Diện tích căn nhà Ông (Bà) đang sinh sống:

- ☐ <15 m² ☐ 15-30 m² ☐ 30-45 m² ☐ 45-60 m² ☐ >60 m²

Số thành viên trong gia đình Ông (Bà) là: thành viên.

II. XÃ HỘI

Giáo dục

Gia đình Ông (Bà) có người đang theo học các trường (mầm non, PT cơ sở, THCS, THPT,...) trong khu đô thị không?

- ☐ Có (chuyển tới 7.1.c) ☐ Không (chuyển tới 7.1.a)

7.1.a. Nếu không, ông/bà có thể cho biết lí do:

.....

7.1.b. Nếu không, Ông (Bà) gửi con /cháu đi học ở đâu?.....

7.1.c. Khoảng cách từ căn hộ của Ông (Bà) đến trường học khoảng.....m

7.1.d. Theo ông bà khoảng cách như vậy là

☐ Rất gần ☐ Gần ☐ Bình thường ☐ Xa ☐ Rất xa

Ông (Bà) đánh giá chất lượng đào tạo và cơ sở vật chất của các trường học tại khu vực:

☐ Rất tốt ☐ Tốt ☐ Chấp nhận được ☐ Kém ☐ Rất kém

Y té

Số lượng các cơ sở/trung tâm y tế và chăm sóc sức khỏe tại nơi Ông (Bà) sinh sống:

☐ Rất nhiều ☐ Nhiều ☐ Vừa phải ☐ Ít ☐ Không có

Chất lượng cơ sở vật chất và dịch vụ của các cơ sở/trung tâm y tế và chăm sóc sức khỏe tại khu vực:

☐ Rất tốt ☐ Tốt ☐ Chấp nhận được ☐ Kém ☐ Rất kém

Dịch vụ

Số lượng chợ và siêu thị tại khu vực:

☐ Rất nhiều ☐ Nhiều ☐ Vừa đủ ☐ Ít ☐ Rất ít

Khoảng cách từ căn hộ của Ông (Bà) tới chợ/siêu thị gần nhất:

☐ < 300m ☐ 300-500m ☐ 500-1000m ☐ 1000-1500m ☐ >1500m

Theo đánh giá của Ông (Bà), khoảng cách như vậy:

☐ Rất gần ☐ Gần ☐ Chấp nhận được ☐ Xa ☐ Rất xa

Ông (Bà) có yên tâm với chất lượng hàng hóa tại chợ và siêu thị tại khu vực không?

☐ Có ☐ Không

Chất lượng an ninh tại khu vực:

☐ Rất tốt ☐ Tốt ☐ Chấp nhận được ☐ Kém ☐ Rất kém

Mật độ che phủ cây xanh tại khu vực:

☐ Rất cao ☐ Cao ☐ Vừa phải ☐ Ít ☐ Rất ít

Đánh giá về việc cung cấp nguồn điện (ổn định, liên tục):

☐ Tốt ☐ Khá ☐ Chấp nhận được ☐ Kém

Đánh giá về sự thuận tiện, đa dạng và ngấm hóa của hệ thống viễn thông, truyền hình cáp:

☐ Tốt ☐ Khá ☐ Chấp nhận được ☐ Kém

Đánh giá về hệ thống chiếu sáng công cộng tại khu vực:

☐ Rất tốt ☐ Tốt ☐ Chấp nhận được ☐ Kém ☐ Rất kém

Số lượng các khu vui chơi/giải trí trong khu vực:

☐ Rất nhiều ☐ Nhiều ☐ Vừa phải ☐ Ít ☐ Rất ít

Chất lượng các khu vui chơi/giải trí:

☐ Rất tốt ☐ Tốt ☐ Chấp nhận được ☐ Kém ☐ Rất kém

Đánh giá về chất lượng của dịch vụ sửa chữa, bảo trì các tiện ích công cộng tại khu vực:

☐ Rất tốt ☐ Tốt ☐ Chấp nhận được ☐ Kém ☐ Rất kém

Quản lý

Mức chi phí quản lý tại khu vực:

☐ Rất thấp ☐ Thấp ☐ Chấp nhận được ☐ Cao ☐ Rất cao

Tần suất thực hiện đầu tư cải tạo, nâng cấp các công trình công cộng tại khu vực:

☐ Rất nhiều ☐ Nhiều ☐ Vừa đủ ☐ Ít ☐ Rất ít

Vai trò của tổ dân phố trong các hoạt động quản lý của khu vực:

☐ Rất mạnh ☐ Mạnh ☐ Chấp nhận được ☐ Yếu ☐ Không đáng kể

Quyền quyết định của ban quản lý tại khu vực:

☐ Rất mạnh ☐ Mạnh ☐ Chấp nhận được ☐ Yếu ☐ Không đáng kể

Mức độ đóng góp của Ông (Bà) vào các hoạt động chung trong khu vực:

☐ Rất cao ☐ Cao ☐ Vừa phải ☐ Ít ☐ Rất ít

Mức độ tham gia của người dân vào các hoạt động chung:

☐ Rất nhiều ☐ Nhiều ☐ Vừa đủ ☐ Ít ☐ Rất ít

Tiếng nói của người dân đối với các hoạt động chung:

☐ Rất được quan tâm ☐ Không được quan tâm

Nếu được chọn các tiêu chí sau để nâng cấp, cải tạo trong thời gian tới. Thứ tự ưu tiên của ông/bà như thế nào? (từ 1->6, 1 là ưu tiên cao nhất)

1. Cải thiện tình trạng giao thông ☐ 4. Cải thiện hệ thống cấp thoát nước cũng như chất lượng nước ☐

2. Nâng cao chất lượng dịch vụ ☐ 5. Xây dựng thêm các ☐
khu vui chơi giải trí
3. Nâng tỷ lệ che phủ cây xanh ☐ 6. Đổi mới bộ máy quản lý ☐

III. KINH TẾ

Đánh giá về sự thuận lợi trong kinh doanh, buôn bán tại khu vực:

- ☐ Rất thuận lợi ☐ Thuận lợi ☐ Không thuận lợi

12. Đánh giá của Ông (Bà) về giá đất tại khu vực:

- ☐ Quá cao ☐ Cao ☐ Bình thường ☐ Thấp ☐ Rất thấp

IV. CÁC MẶT KHÁC

Xin Ông (Bà) cho biết sức lan tỏa của khu đô thị:

- ☐ Có tầm ảnh hưởng lớn ☐ Tầm ảnh hưởng nhỏ ☐ Không có tầm ảnh hưởng

PHẦN II: THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Họ và tên người được phỏng vấn:

2. Giới tính:

- ☐ Nam ☐ Nữ

3. Ông (Bà) thuộc độ tuổi nào?

- ☐ 15 - 18 tuổi ☐ 19 - 25 tuổi
☐ 26 - 35 tuổi ☐ 36 - 45 tuổi
☐ 46 - 55 tuổi ☐ 56 - 65 tuổi
☐ trên 65 tuổi

4. Nơi ở :

5. Thời gian cư trú tại khu đô thị đến nay: (hoặc, từ năm.....)

6. Nghề nghiệp

- ☐ Học sinh – Sinh viên ☐ Công nhân
☐ Cán bộ công chức ☐ Kinh doanh – Buôn bán
☐ Giáo viên/ giảng viên ☐ Nghỉ hưu
☐ Nội trợ ☐ Khác (xin nêu cụ thể):.....

7. Trình độ học vấn

- ☐ THPT
☐ Trung học chuyên nghiệp

- ☐ Đại học/ Cao đẳng
- ☐ Trên Đại học
- ☐ Khác (xin nêu cụ thể):.....

8. Thu nhập trung bình tháng : (đơn vị: VNĐ đồng/tháng)

- ☐ Dưới 1 triệu
- ☐ 1 – 5 triệu
- ☐ 5 – 10 triệu
- ☐ Trên 10 triệu